

Bản án số: 373/2019/DS-ST

Ngày: 26-9-2019.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Hồng Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân

1. Bà Đỗ Thị Thúy Nga

2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 274/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4464/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH Một thành viên A.

Trụ sở: Tòa nhà B số 9 đường C, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đoàn Anh T, sinh năm 1994 là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 749/UQTA-VH.19 lập ngày 13/5/2019).

Địa chỉ liên lạc: Tầng 8, Tòa nhà F, số 20 đường G, Phường H, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Đặng Quý Phương T2, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 117 đường J, phường K, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn - Công ty Tài chính TNHH Một thành viên A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có ông Đoàn Anh T là đại diện theo ủy quyền trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:

Ngày 03/11/2016, giữa Ngân hàng và Ông Đặng Quý Phương T2 có ký Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 20161103-0002959 có nội dung: Ngân

hàng cho ông T2 vay số tiền 12.326.225 đồng với lãi suất thỏa thuận 4.58%/tháng để tiêu dụng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, Ông Đặng Quý Phương T2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 22.898.147 đồng (bao gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 30 tháng; 29 tháng đầu mỗi tháng trả 765.000 đồng, riêng tháng cuối trả 713.147 đồng; thanh toán vào ngày 07 hàng tháng; bắt đầu trả từ ngày 07/12/2016.

Thực hiện hợp đồng, Ông Đặng Quý Phương T2 đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 3.060.000 đồng. Tuy nhiên, kể từ ngày 15/3/2017 đến nay, ông T2 không thanh toán cho Ngân hàng bất cứ khoản tiền nào mặc dù Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần. Do ông T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ khoản 6.2 Điều 6 của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20161103-0002959 Ngân hàng có quyền yêu cầu ông T2 thanh toán toàn bộ các khoản vay trước hạn. Việc ông T2 không thanh toán nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 1 buộc: Ông Đặng Quý Phương T2 trả ngay một lần cho nguyên đơn toàn bộ số tiền còn nợ là 19.838.147 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 11.469.319 đồng và nợ lãi: 8.368.828 đồng.

- Bị đơn Ông Đặng Quý Phương T2 có đơn xin vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án có nộp bản khai ngày 06/8/2019 trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể như sau:

Ông T2 xác nhận có ký hợp đồng tín dụng số 20161103-0002959 ngày 03/11/2016 với Công ty Tài chính TNHH Một thành viên A để vay số tiền là 12.326.225 đồng; lãi suất 4.58%/tháng để tiêu dụng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông T2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 22.898.147 đồng (bao gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 30 tháng; 29 tháng đầu mỗi tháng trả 765.000 đồng, riêng tháng cuối trả 713.147 đồng; thanh toán vào ngày 07 hàng tháng; bắt đầu trả từ ngày 07/12/2016. Ông T2 đã nhận đủ số tiền vay trên và đã trả cho Ngân hàng số tiền 3.060.000 đồng. Do khó khăn về kinh tế nên từ ngày 15/3/2017 đến nay, ông không trả thêm cho Ngân hàng bất cứ khoản tiền nào mặc dù Ngân hàng nhắc nhở nhiều lần. Nay ông T2 xác nhận còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc: 11.469.319 đồng và nợ lãi: 8.368.828 đồng; tổng cộng: 19.838.147 đồng. Ông đề nghị Ngân hàng cho ông trả trong thời hạn 12 tháng; mỗi tháng 1.500.000 đồng; riêng tháng cuối trả 1.838.147 đồng. Trường hợp Ngân hàng không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do bận công việc không thể tới Tòa án thường xuyên theo giấy triệu tập nên ông T2 yêu cầu được vắng mặt các buổi làm việc (phiên họp, hòa giải, xét xử...).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra

việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát... được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 19.838.147 đồng là một phần nợ gốc và một phần nợ lãi còn lại là có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên A: Buộc Ông Đặng Quý Phương T2 phải trả một lần cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên A số tiền 19.838.147 đồng; trong đó nợ gốc: 11.469.319 đồng và nợ lãi: 8.368.828 đồng.

Tại phiên tòa bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên A và bị đơn - Ông Đặng Quý Phương T2 xác lập quan hệ tín dụng từ ngày 03 tháng 11 năm 2016. Do trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ cho nguyên đơn theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả số tiền còn thiếu theo thỏa thuận của các bên. Bị đơn là công dân có quốc tịch Việt Nam, có địa chỉ tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm c khoản Điều 35; khoản 1 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Về tư cách đương sự:

Nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên A ủy quyền cho ông Đoàn Anh T tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn là Ông Đặng Quý Phương T2 có bản khai ngày 26/6/2019 gửi Tòa án nhân dân Quận 1 đồng thời đề nghị vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Do vậy Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt ông T2 theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

1.3. Về chứng cứ:

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã giao nộp các chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện gồm: Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 20161103-0002959 ngày 03/11/2016 và văn bản thỏa thuận ngày 03/11/2016; Thông tin bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân; sao kê thông tin giải ngân; Lịch sử thanh toán của khách hàng Đặng Quý Phương Toàn và bảng tính lãi của khách hàng Đặng Quý Phương Toàn. Đây là các tài liệu bản sao từ các tài liệu đang lưu giữ trong hồ sơ tại

trụ sở của nguyên đơn. Đại diện nguyên đơn cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự xác thực của các tài liệu này. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, trong đó có Thông báo thụ lý vụ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật và bị đơn có văn bản trình bày ý kiến, xác nhận nghĩa vụ trả nợ của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do vậy, những tài liệu, chứng cứ này có giá trị chứng minh về quyền, nghĩa vụ của các đương sự.

[2]. *Về pháp luật nội dung:*

2.1. Về luật áp dụng:

Nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên A và bị đơn - Ông Đặng Quý Phương T2 xác lập quan hệ tín dụng từ ngày 03/11/2016 do vậy Tòa áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để điều chỉnh, giải quyết tranh chấp.

2.2. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về yêu cầu thanh toán nợ gốc:*

Xét, Công ty Tài chính TNHH Một thành viên A là tổ chức tín dụng phi ngân hàng được thành lập, tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty Tài chính. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 108 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì Công ty được phép hoạt động tín dụng như cấp tín dụng dưới hình thức cho vay. Hợp đồng tín dụng ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là sự thỏa thuận về việc xác lập quan hệ tín dụng là vay và cho vay. Hợp đồng này đúng nguyên tắc, tuân thủ đầy đủ hình thức theo quy định của Bộ luật Dân sự. Theo nội dung hợp đồng thì nguyên đơn là bên cho vay đã cho bên vay (ông T2) vay 12.326.225 đồng, lãi suất 4.58%/tháng, thời hạn vay là 30 tháng, tổng cộng ông T2 phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền cả gốc và lãi là 22.898.147 đồng; ông T2 đã thanh toán được số tiền 3.060.000 đồng; còn nợ lại 19.838.147 đồng; trong đó nợ gốc: 11.469.319 đồng và nợ lãi: 8.368.828 đồng. Đồng thời bị đơn cũng xác nhận khoản tiền nợ gốc nêu trên nên yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông T2 trả số tiền nợ gốc 11.469.319 đồng là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về yêu cầu tiền lãi:*

Căn cứ theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì giữa Ngân hàng và Ông Đặng Quý Phương T2 có quyền thỏa thuận về lãi suất. Do đó việc thỏa thuận về lãi suất của các bên theo thỏa thuận trong hợp đồng là 4.58%/tháng phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Căn cứ lời khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bản khai ngày 26/6/2019 của bị đơn và các tài liệu có trong hồ sơ có cơ sở xác định: Yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ lãi: 8.368.828 đồng là có căn cứ chấp nhận.

- *Về thời hạn thanh toán:* Bị đơn yêu cầu Ngân hàng cho trả mỗi tháng 1.500.000 đồng; tháng cuối trả 1.838.147 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn không đồng ý và yêu cầu trả một lần tổng số tiền còn nợ là 19.838.147 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, do ông T2 vi phạm thời hạn trả nợ như thỏa thuận đã ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông T2 phải thanh toán hết

một lần số tiền còn nợ ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu trên giá trị số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn;

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. *Quyền kháng cáo:*

Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 91; điểm d khoản 1 Điều 108 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên A.

Buộc Ông Đặng Quý Phương T2 phải thanh toán hết một lần cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên A tổng số tiền còn nợ là 19.838.147 (mười chín triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn, một trăm bốn mươi bảy) đồng; trong đó nợ gốc: 11.469.319 (mười một triệu, bốn trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm mười chín) đồng và nợ lãi: 8.368.828 (tám triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm hai mươi tám) đồng theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20161103-0002959 ngày 03/11/2016.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 27/9/2019 cho đến khi thi hành án xong, Ông Đặng Quý Phương T2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Đặng Quý Phương T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 991.907 (chín trăm chín mươi một nghìn, chín trăm lẻ bảy) đồng.

Công ty Tài chính TNHH Một thành viên A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 495.954 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0007641 ngày 10/6/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Công ty Tài chính TNHH Một thành viên A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Đặng Quý Phương T2 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. 1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Hạnh